

VÀI NÉT NHẬN THỨC LUẬN VỀ CÁI CHẾT CỦA PHẬT GIÁO VÀ CÔNG GIÁO

LÊ THỊ CÚC^(*)

Đặt vấn đề

Vấn đề về sự sống và cái chết, nhất là cuộc sống ở kiếp sau vẫn luôn luôn là vấn đề mà bất cứ con người nào trên trái đất khi đối mặt cận kề với cái chết đều quan tâm. Cái chết và sự trăn trở suy nghĩ về nó không chỉ là vấn đề của riêng ai mà là vấn đề của nhân loại. Nó là khởi đầu cho những ý niệm về tôn giáo và triết học sơ khai, là mảnh đất tốt cho hạt giống tâm linh nảy mầm, và là căn nguyên cho việc xuất hiện các nghi thức thờ cúng, ma chay.

Nhìn chung, có bốn quan điểm về vấn đề trên: quan điểm thứ nhất tin rằng sau khi chết dưới dạng hồn lìa khỏi xác chúng ta vẫn sống và tiếp tục một cuộc sống mới sau khi chết. Quan điểm thứ hai của những người duy vật cho rằng chúng ta bị hủy diệt bằng cái chết và hoàn toàn không có cuộc sống khác sau khi chết. Quan điểm thứ ba hoài nghi không biết có cuộc sống sau khi chết không vì thật khó để chúng ta khám phá ra câu trả lời đầy đủ cho vấn đề trên. Quan điểm thứ tư cho rằng con người sau khi chết sẽ được tái sinh trở lại đời sống trần thế sau này hoặc tồn tại ở những không gian nào đó trong vũ trụ.

1. Quan niệm về cái chết của một số tộc người trên thế giới

Sự chết là gì? Theo học thuyết duy vật,

sự chết là việc chấm dứt sự tồn tại của con người trên cõi đời. Theo định luật tự nhiên, vạn vật trên đời này không có cái gì mất đi và bị tiêu diệt vĩnh viễn và biến đổi không ngừng. Vì vậy, nhiều người đã đặt ra câu hỏi sau khi con người chấm dứt sự tồn tại trên cõi đời, ngoài hiện tượng cơ thể vật chất bị phân hủy và biến đổi, có cái gì đại diện cho con người còn hiện hữu nữa không? Sự băn khoăn đó là duyên cớ xuất hiện quan niệm phổ biến về sự tồn tại của linh hồn con người.

Quan niệm về linh hồn

Có thể thấy từ thuở xa xưa, nhiều tộc người ở khắp mọi nơi trên thế giới đã quan niệm có sự tồn tại của linh hồn. Khái niệm linh hồn trở thành khái niệm rất phổ biến.

Theo E. B. Tylor quan niệm: “linh hồn nhiều khi cũng đồng nghĩa với ma, linh hồn cũng như con người, có linh hồn tốt, linh hồn xấu, có linh hồn phù trợ cho người thân cũng có linh hồn tâm địa ác độc luôn gây hại cho người đang sống. Ý niệm linh hồn cá nhân hay linh hồn ma trong các tộc người, các bộ lạc thuở xưa là một hình ảnh tinh tế phi vật thể của con người, nó giống như hơi, không khí hay bóng đêm. Nó là nguyên nhân của sự

^{*}. ThS., Đại học Văn hóa Hà Nội.

sống và của ý tưởng về một thực thể được nó đem lại sự sống. Nó hoàn toàn độc lập chi phối ý thức, ý chí của cá nhân con người trong quá khứ cũng như trong hiện tại. Tuy vô hình nhưng nó vẫn hiện lên với những người đang ngủ hay đang thức như một ảo ảnh, một bóng ma. Nó có thể nhập vào thân thể của những người khác, động vật hay đồ vật và chi phối chúng⁽¹⁾.

Qua khảo sát nhiều tộc người, các nhà nghiên cứu trên thế giới đã tổng hợp được quan niệm đa chiều về những thuộc tính và những biểu hiện khác nhau của khái niệm linh hồn hay ma.

Người Ai Cập cổ đại cho rằng con người có hai phần: linh hồn (ka) và thể xác. Khi con người còn sống, linh hồn và thể xác gắn bó với nhau như hình với bóng. Khi con người chết đi, linh hồn rời bỏ thể xác và đến nơi ở của linh hồn ở thế giới bên kia nhưng vẫn có quay trở về nhập vào thể xác cũ và làm cho người chết sống lại với điều kiện thể xác phải còn nguyên vẹn như khi còn sống. Từ quan niệm này người Ai Cập rất thịnh hành phong tục ướp xác và coi trọng nghi thức nghi lễ dành cho người chết.

Giống như người Ai Cập cổ đại, người da đỏ Salish coi linh hồn là cái gì đó khác với sự sống, nó có thể lìa khỏi thân thể một thời gian mà con người không hay biết. Người Karen thì cho rằng linh hồn thường đi lang thang lúc thân thể đang ngủ. Nếu nó bị giữ ở đâu đó dài hơn một thời gian nhất định người đó sẽ bị bệnh và nếu bị giữ mãi mãi người đó sẽ chết. Do đó khi một người bị bệnh người Karen thường lấy gà mái luộc và xôi làm nghi lễ trên quần áo người bị bệnh cầu nguyện để linh hồn người ốm trở về.

Quan niệm về biểu hiện của linh hồn trong cơ thể người, người Caribê cho rằng linh hồn nằm ở trong trái tim. Người Togan thì quan niệm linh hồn tỏa khắp cơ thể nhưng chủ yếu cũng nằm ở trái tim.

Người thổ dân Nicaragua lại quan niệm linh hồn gắn với hơi thở và họ cho rằng khi một người hấp hối từ miệng thoát ra cái gì đó giống như con người. Quan niệm này xem chừng giống với quan niệm dân gian của người Việt Nam về trạng thái thoát dương của người hấp hối, hồn vía sẽ thoát ra ngoài cơ thể. Không chỉ thời xa xưa mà ngay thời hiện đại, quan niệm về sự tồn tại và mối quan hệ giữa hồn và thể xác đã được một số người cho rằng bất kể người nào dù béo hay gầy, già hay trẻ khi chết đi đều hút khoảng 250g. Nếu giả thuyết này được chứng minh bằng độ tin cậy của y học thì phải chăng con số 250 g đó chính là phần khí (một cách gọi khác là linh hồn) thoát khỏi cơ thể khi con người chết.

Thuyết về tồn tại linh hồn còn được thể hiện qua các giấc mơ ở một số tộc người. Người Đan Mạch cho rằng vào ban đêm linh hồn thường rời bỏ thân thể bay đi săn, nhảy múa và thăm viếng bạn bè... Người Anh cho rằng khi con người đang ngủ, linh hồn rời bỏ thân thể và có thể đến nơi của người chết để trò chuyện với bạn bè và người thân. Trong các truyền thuyết phổ biến ở Châu Âu có câu chuyện về vua Gunthram ngủ trong rừng, gổ đầu trên đùi một vệ sĩ trung thành của mình. Một con rắn bò từ miệng nhà vua ra và trườn nhanh xuống suối nhưng không thể bơi qua được. Lúc đó,

1. E. B. Tylor, *Văn hóa nguyên thủy*, Nxb. Văn hóa thông tin, 2001, tr. 98.

người đẩy tờ liên kê thanh gươm của mình cho con rắn bò qua. Sau đó con rắn trở về và chui vào miệng nhà vua. Nhà vua tỉnh dậy và kể lại giấc mơ ông thấy mình đi qua một chiếc cầu sắt để vào một hang núi chứa đầy vàng.

Đến thời cận - hiện đại, quan niệm về sự tồn tại của linh hồn cũng được thể hiện khá phổ biến ở hiện tượng đồng cốt. Các ông/bà đồng bằng khả năng giao cảm đặc biệt đã có trường hợp mô tả cụ thể những biểu hiện của linh hồn hiện lên trong ảo giác của họ.

Tóm lại, những ý niệm về linh hồn là mấu chốt cơ bản của thuyết Vật linh. Thuyết này là một trong những học thuyết về tôn giáo quan trọng nhất của con người, đó là niềm tin vào sự tồn tại của linh hồn sau khi chết. Lòng tin vào cuộc sống sau khi chết có tính phổ biến và tồn tại dai dẳng không chỉ ở các bộ lạc và thị tộc nguyên thủy mà về sau niềm tin đó được biến hiện trong nội dung giáo lý của các tôn giáo hiện nay.

2. Nhận thức luận về cái chết của Phật giáo

“Luân hồi”, “Tái sinh”, “Đầu thai” là một loạt khái niệm hay được nhắc đến khi bàn đến vấn đề đời sống sau khi chết theo quan điểm Phật giáo.

Về nghĩa từ Hán Việt: từ “Luân hồi” có thể được hiểu là sự luân chuyển và hồi phục cái gì đó. Về lịch sử hình thành khái niệm, từ “Luân hồi” vốn được đề cập nhiều trong học thuật Phương Tây. Ngược lại, người Ấn Độ lúc đầu không biết đến “luân hồi”. Thuyết luân hồi chỉ xuất hiện vào khoảng năm 750 tr. CN. Quan niệm “Luân hồi” của người Ấn Độ lúc đó được hiểu theo nghĩa khi con người chết đi, chỉ còn lại hữu - thể sâu xa nhất của nó, cái “nó”. Cái này được liên

kết bởi *luật karma*, nghĩa là, nói một cách đơn giản, bởi luật thưởng phạt tùy theo các công việc. Vì vậy, người đã khuất bị buộc phải sống lại một cuộc sống trên Trái Đất, và cái “nó” của người ấy sẽ ở trong một thân thể khác. Quy trình này, tiếp tục mãi cho tới cái “nó” có thể tự giải thoát mình hoàn toàn.

Còn khái niệm “Đầu thai” cũng tương tự với nghĩa từ “luân hồi” (luân chuyển để hồi phục). Nó thể hiện sự chuyển dịch từ một xác thân vật chất này vào một xác thân vật chất khác của linh hồn bất tử.

Cả hai từ “luân hồi” và “đầu thai” đều không phù hợp để truyền tải quan niệm về vấn đề đời sống sau khi chết của Phật giáo. Bởi vì giáo lý Phật giáo không bàn đến hai vấn đề căn bản mà nhiều tôn giáo chủ thuyết: thứ nhất ý tưởng về Đấng Sáng tạo hay Thượng Đế có quyền thưởng phạt những hành động tốt xấu của muôn loài. Thứ hai là ý tưởng về một cái “tôi” vĩnh cửu hay thực thể của “cái tôi” đời đời.

Bàn đến vấn đề đời sống sau khi chết trong quan điểm Phật giáo, từ “tái sinh” được dùng mang tính phổ thông ít bị phản đối hơn hai từ “luân hồi” và “đầu thai” mặc dù nó cũng chưa hoàn toàn thỏa đáng.

Bản chất “Tái sinh” là gì? Cái gì sẽ tái sinh?

Xét về bản chất, “Tái sinh” chính là sự tái tạo thành sự sống mới trong điều kiện mới.

Để hiểu thuyết “tái sinh” của Phật giáo, phải dựa vào hai định luật: Định luật Vô thường và định luật về Hoạt động và Phản ứng.

Về định luật Vô thường, như Đức Phật đã nói: “Tất cả những gì duyên hợp, có

sinh khí hay không sinh khí đều vô thường”. Điều này phản ánh nội dung của định luật Vô thường là nêu lên chân lý không có cái gì trên thế giới này là vĩnh cửu. Nói cách khác, vạn vật đều phải chịu định luật biến đổi không ngừng.

Biểu hiện của định luật Vô thường thể hiện qua hai đặc trưng: thứ nhất, tất cả mọi thứ đều phải thay đổi, không có cái gì mất đi hay bị diệt vĩnh viễn. Chỉ có hình dáng của nó thay đổi. Điều này giống như trạng thái chất rắn có thể biến thành chất lỏng và chất lỏng có thể trở thành chất khí nhưng không có thứ gì mất đi hay bị tiêu diệt và theo nguyên tắc của khoa học giống như định luật bảo toàn năng lượng. Nét đặc trưng thứ hai có định luật Vô thường là không có ranh giới chia cắt rõ rệt giữa các hoàn cảnh và trạng thái kế cận nhau. Cái này sẽ lẫn vào cái kia. Bởi vậy sự thay đổi này sẽ là một tiến trình liên tục giống như một “dòng chảy” luôn trong trạng thái không ổn định.

Về định luật “Hoạt động và Phản ứng” hay còn gọi là Luật “nguyên nhân và kết quả”, nội dung của định luật khẳng định mỗi hành động đều có kết quả hay phản ứng. Nguyên tắc Kết quả được tạo ra sau các hành động được áp dụng cho mọi lĩnh vực hoạt động dù hoạt động đó gây ra bởi thiên nhiên hay con người. Định luật này mang tính phổ quát có thể áp dụng cho cả thế giới vật chất và thế giới tinh thần. Khi luật nguyên nhân – kết quả đề cập đến hoạt động của con người được gọi là định luật của Nghiệp. Trong quan niệm của đạo Phật, Nghiệp cũng chính là nhân quả đạo đức hình thành số phận của chúng sinh và dẫn đến tái sinh.

Như đã đề cập ở trên, theo thuyết duy vật, con người sẽ chấm dứt sự hiện hữu

tồn tại của mình trên cõi đời vào lúc chết. Nhưng theo nguyên lý của định luật Vô thường, con người sẽ không bị hủy diệt mà có thứ vẫn tồn tại là *năng lượng của người chết*. Mà các lực lượng và năng lượng không chấm dứt lúc chết vì lực không hề bị mất đi, nó chỉ chịu sự biến đổi. Năng lượng không di chuyển từ nơi này đến nơi kia nhưng có thể ngừng biểu lộ ở một nơi và bắt đầu tự biểu lộ ở nơi khác.

Cái gì tái sinh?

Ở con người, lực mạnh nhất là ý chí muốn sống, muốn tiếp tục tồn tại. Tham sống, ý chí muốn sống thể hiện trong tâm trí con người một cách có ý thức cũng như vô thức. Tham lam giống như các tư tưởng khác chính là các năng lượng của con người. Năng lượng này sẽ không thể mất hay bị tiêu hủy khi con người chết về thể xác sinh học.

Vì tham sống là một động lực trội hơn thể hiện bên dưới tất cả các hoạt động của con người, nhất là lúc hấp hối, lòng tham đó càng trở dậy mãnh liệt. Cái tham đó biến thành lực tham lôi cuốn chính nó đến một cuộc sống khác. Vào thời điểm hấp hối, từ ý thức muốn bám níu cuộc sống, *năng lượng của người chết* được chuyển tải ra bên ngoài cơ thể người chết như tia chớp, bất chợt gặp dạ con của người mẹ mới đã đủ điều kiện thụ thai nên nó được tái sinh và một đời sống mới bắt đầu.

Đức Phật đã nói: “Cái gọi là chúng sinh hay cá nhân nó chẳng là gì cả mà chẳng qua là duyên hợp của lực vật chất và tinh thần hay năng lượng”⁽²⁾. Theo

2. Nayaka Thera Piyadassi, *Học thuyết Phật giáo về đời sống sau khi chết* (bản dịch), Nxb. Tôn giáo, 2008, tr. 32.

sinh học hiện đại đời sống mới của con người bắt đầu vào thời khắc tế bào tinh trùng của người cha nhập với tế bào trứng hoặc trứng của người mẹ. Khoa học chỉ nói đến hai nhân tố vật chất thông thường này. Tuy nhiên, Phật giáo còn nói đến nhân tố thứ ba là tinh thần (ý thức tái sinh của người chết) kết hợp với hai nhân tố vật chất trên thì mới có quá trình thụ thai hình thành sự sống mới. Con người là sinh vật có tâm - vật hết sức phức tạp. Mỗi người từ khi được sinh ra đến khi trưởng thành đều có đặc điểm riêng từ hình dạng đến tính khí, kể cả những cặp song sinh giống hệt về hình dáng nhưng tính tình, sở thích vẫn khác nhau. Vì vậy, nếu cho rằng con người được sinh ra chỉ dựa vào hai nhân tố hoàn toàn vật chất: tế bào tinh trùng và tế bào trứng của cha mẹ là chưa đủ. Chắc chắn phải có sự can thiệp của nhân tố thứ ba - yếu tố tâm linh. Nhân tố tâm linh phối hợp với hai nhân tố vật chất trên mới tạo thành sinh vật tâm - vật là thai nhi.

3. Nhận thức luận về cái chết của Công giáo

Quan niệm về cái chết và thế giới của người chết

Công giáo cho rằng con người có hai đời sống: đời sống hiện thực nơi trần thế và đời sống sau khi chết. Đời sống hiện thực thì ngắn ngủi, hữu hạn còn đời sống sau khi chết là vĩnh cửu. Khi một người Công giáo chết, hồn sẽ lìa khỏi xác, căn cứ vào những việc người đó đã làm trên trần thế mà hồn sẽ đến nơi dành cho họ.

Sách Kinh bốn, đoạn thứ ba (dạy về Sự chết, Sự phán xét riêng, Ngày Tận thế, Sự phán xét chung, Thiên Đàng, Luyện Ngục cùng Hỏa Ngục) cho biết:

Chết là linh hồn rời khỏi xác. Linh hồn là tính thiêng liêng chẳng hay hư

chẳng hay nát. Linh hồn phải đến trước tòa Đức Chúa Giêsu mà chịu phán xét riêng về tội phúc, mà chịu thưởng phạt tùy theo việc lành, dữ đã làm khi còn ở thế gian.

Những người sạch mọi tội cùng những người đã đền tội cho đủ mới được lên Thiên Đàng. Thiên Đàng là nơi đầy rẫy những sự thanh nhàn vui vẻ đời đời, mà Phúc nhất trên Thiên Đàng là được chiêm ngưỡng dung nhan Đức Chúa Trời.

Những người lành, nhưng còn mắc tội mọn hay là đền tội chưa đủ thì phải chịu hình phạt nơi Luyện Ngục. Có thể cứu rỗi linh hồn nơi Luyện Ngục bằng cách cầu nguyện, ăn chay, nhất là xin làm lễ cho các linh hồn ấy.

Những người chỉ cần phạm một tội trọng là đã phải chịu hình phạt Hỏa Ngục. Hỏa Ngục là chốn đầy lửa sinh, lửa diêm cùng mọi giống hình khổ để mà phạt ma quỷ cùng những kẻ chết trong khi mắc tội trọng. Những kẻ đã sa Hỏa Ngục thì không thể cứu giúp và hình phạt cũng không thể giảm bớt...⁽³⁾.

Theo Nguyễn Hồng Dương, quan niệm thế giới quan của Kitô giáo gồm ba tầng: tầng Trời (Thiên Đàng), tầng Luyện Ngục và tầng Đất (Địa/Hỏa Ngục). Thiên Đàng dành cho những người sạch tội cùng những người đã đền tội đủ. Luyện Ngục là nơi giam giữ những người lành nhưng còn mắc tội mọn hay là đền tội chưa đủ. Địa/Hỏa Ngục là nơi giam giữ những người phạm tội trọng⁽⁴⁾.

Quan niệm về “sự sống lại” của Công giáo

3. Sách Kinh bốn, Tòa Giám mục Phát Diệm xuất bản, 1991.

4. Nguyễn Hồng Dương. *Thờ cúng tổ tiên của người Công giáo qua các thời kỳ lịch sử*, Kỷ yếu Tọa đàm về tôn kính tổ tiên do Tòa Tổng Giám mục Huế tổ chức tháng 10/1999, tr. 121.

Như đã bàn ở trên, Công giáo tin tưởng có sự tồn tại của linh hồn và thế giới dành cho người chết. Vì vậy trong nhận thức luận về cái chết, Công giáo quan niệm “Chết là cửa dẫn vào cõi sống”, chết không phải là chấm dứt sự sống mà sẽ có ngày con người được “sống lại”.

“Sống lại” chính là “Phục sinh”

Theo nhân giới đức tin Công giáo, “Sự sống lại” không phải là “tồn sinh”, “hồi sinh” mà là “Phục sinh”. Người Công giáo tin tưởng: con người sau khi chết, thân xác có phải mục nát đi theo quy luật vật lí nhưng Thiên Chúa sẽ làm cho sống lại trong ngày Chung cuộc. Vì vậy, người chết rồi không phải cố níu kéo sự nhớ thương của người sống dành cho người chết (tồn sinh trong tâm trí người sống) mà cố gắng đi vào trong kí ức của Thiên Chúa.

Vào ngày Chung cuộc, Thiên Chúa sẽ cho thân xác được sống lại nhưng không phải xác chết “hồi sinh” nguyên hình như khi còn sống mà là một thân xác đã được biến đổi trong sự Phục sinh của Chúa Kitô. Sau khi được Phục sinh, cuộc sống của linh hồn hiển hiện còn thân xác sẽ chìm vào thanh thoát, khác với khi còn sống thân xác hiển hiện còn linh hồn chìm khuất sâu lắng. Giống như sự Phục sinh của Chúa, “Khi Phục sinh, Đức Kitô không trở về với cuộc sống trần thế, không còn bị lệ thuộc thời gian và không gian. Thân thể Phục sinh của Người tràn đầy quyền năng của Chúa Thánh thần, tham dự vào sự sống thần linh trong vinh quang”⁽⁵⁾. Như vậy, Phục sinh là kết quả biện chứng sống - chết ở Chúa Kitô và cũng là kết quả biện chứng xác - hồn ở mỗi tín đồ.

Qua cái chết và sự sống lại, Đức Giêsu loan báo cho con người một Tin Mừng

khi khẳng định cái chết không phải là một ngõ cụt mà là một cửa ngõ dẫn vào một đời sống mới. Tất cả kho tàng Kitô giáo được xây dựng trên niềm tin ấy.

4. So sánh nhận thức luận về cái chết giữa Phật giáo và Công giáo

Quan niệm về sự tồn tại của con người sau khi chết

Phật giáo và Công giáo đều có quan điểm trái ngược với các nhà duy vật khi tin tưởng chết không phải là hết. Cái chết không thể khiến con người biến mất và bị tiêu diệt vĩnh viễn. Sự tồn tại của con người sau khi chết theo nhân quan riêng mà Phật giáo và Công giáo quan niệm khác nhau.

Công giáo xác tín vào sự tồn tại của cái được gọi là linh hồn người chết. “Trong Kinh Thánh, linh hồn khi thì chỉ “toàn bộ nhân vị”, khi thì chỉ “cái thâm sâu nhất, giá trị nhất của con người” làm cho con người là hình ảnh của Thiên Chúa và bất tử. Linh hồn con người được tạo dựng trực tiếp bởi Thiên Chúa chứ không phải do cha mẹ sinh ra. Linh hồn và thân xác khi còn sống tại thế kết hợp mật thiết với nhau như một ngôi vị hay chủ thể duy nhất; khi chết tách rời nhau nhưng sẽ tái hợp với nhau ngày sống lại sau hết, trong một dạng thức mới như Đức Chúa Kitô Phục sinh”⁽⁶⁾.

Như vậy, Linh hồn trong quan niệm của Công giáo giống như một thực thể tồn tại vĩnh cửu và bất biến ngay cả khi con người đã chết. Trong khi đó cái linh hồn hay cái ta thường còn trong kinh điển Phật giáo được gọi là “Atta” hoặc

5. Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Từ điển Công giáo 500 mục từ*, Nxb. Tôn giáo, 2011, tr. 275.

6. Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Từ điển Công giáo 500 mục từ*, Sdd, tr. 205.

Atma (Vô ngã). “Atta” có nghĩa là không có cái ta nào hết. Nói cách khác không có cá nhân vĩnh cửu, không có linh hồn bất biến. Cá nhân hay cá tính theo Phật giáo không phải là một thực thể mà là tiến trình của trời lên và mất đi và không tương ứng với một thực thể cố định nào.

Quan niệm về “thế giới vô hình”

Phật giáo và Công giáo đều quan niệm về sự tồn tại “thế giới vô hình”- một thế giới song hành với thế giới của những con người đang sống. Trong thế giới đó có tồn tại một lực lượng Tối Thượng trong vũ trụ (năng lượng vũ trụ - năng lượng của tạo hóa - theo quan điểm tác giả). Cả hai tôn giáo này, cũng như mọi tôn giáo khác, đều lấy lực lượng Tối Thượng này là trung tâm của đời sống tôn giáo, là mục đích tối hậu của đời sống tâm linh.

Nếu Phật giáo nói Niết Bàn là mục đích của mình thì ắt có sự tương quan giữa Niết Bàn và lực lượng Tối Thượng đó. Phật đã thành Phật thì mới vào Niết Bàn, mà “kiến tánh” thì mới “thành Phật”, và “kiến tánh” chính là thấy được, cảm nghiệm được lực lượng Tối Thượng đó nơi bản thân mình. Lúc đó, ta sẽ thấy được cái “tôi” của mình chỉ là “vọng ngã” (cái tôi ảo tưởng) không hề hiện hữu, chỉ còn duy nhất một thực tại hiện hữu là lực lượng Tối thượng. Do đó, phải chăng Niết Bàn chính là tình trạng hiệp nhất giữa cái ta với lực lượng Tối Thượng, giữa lực và năng lượng của chúng sinh với năng lượng của càn khôn?

Tương tự, mục đích của Công giáo là hướng con người đến Thiên Đàng. Thiên Đàng cũng chính là sự hiệp nhất với Thiên Chúa - lực lượng Tối Thượng? Đương nhiên khi đã lên Thiên Đàng cũng là lúc sinh linh chấm dứt mọi ước mơ, ham muốn, do đã được hoàn toàn thỏa mãn.

Như vậy, quan niệm của Công giáo về Thiên Đàng trùng hợp với quan niệm về Niết Bàn của Phật giáo vì đó là những nơi sinh linh không còn ham muốn, dục vọng gì nữa và cũng là nơi sinh linh hiệp nhất hoàn toàn lực lượng Tối Thượng - Tạo hóa.

Tuy nhiên, giữa Phật giáo và Công giáo quan niệm về lực lượng Tối Thượng đó có khác biệt. Phật giáo quan niệm lực lượng Tối Thượng đó là vô ngã, không có bản vị, không phải là một ai đó cụ thể. Còn Công giáo quan niệm lực lượng Tối Thượng đó có bản vị. Đó chính là một Thiên Chúa chẳng phải chỉ có một ngôi vị mà là ba ngôi vị.

Kết luận

Chết là một thực tại thật bí hiểm, không ai còn sống mà kinh nghiệm được. Và giả sử có ai kinh nghiệm được mà về nói lại thì không chắc đã có mấy người tin. Có nhiều lí do rất hợp lí để người ta không tin: trước hết là nó có thể khác với những gì họ vẫn tin tưởng; hai là đã có nhiều người tự nhận mình có kinh nghiệm đó, nhưng những người này lại nói khác nhau. Chính các tôn giáo cũng nói khác nhau, mà tôn giáo nào cũng đầy uy tín. Lí do thứ ba là người ta không có cách gì kiểm chứng được nguồn tin nghe được gọi là kinh nghiệm đó xuất phát từ chính thực tại hay do thị kiến, do tâm thức biến hiện? Cuối cùng, cái chết vẫn luôn luôn là một bí hiểm, những gì người ta nói về cuộc sống sau cái chết đều chỉ là niềm tin. Khảo cứu quan niệm về cái chết của Phật giáo và Công giáo - hai tôn giáo lớn trên thế giới và có ảnh hưởng đến đời sống văn hóa tâm linh của người Việt cũng là một cách để chúng ta có cái nhìn thông suốt và ứng xử phù hợp mỗi khi đối diện với cái chết của ai đó trong cộng đồng./.